

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2023

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH 1

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1. Tên môn học (tiếng Việt) : TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH 1
2. Tên môn học (tiếng Anh) : ENGLISH FOR SPECIFIC PURPOSE 1
3. Mã số môn học : ENL701
4. Trình độ đào tạo : Đại học
5. Ngành đào tạo áp dụng : Tài chính- Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kinh tế quốc tế, Hệ thống thông tin quản lý
6. Số tín chỉ : 02 tín chỉ
 - Lý thuyết : 0.7
 - Thảo luận và bài tập : 1.3
 - Thực hành : 00
 - Khác (ghi cụ thể) : 00
7. Phân bổ thời gian : 30 tiết
 - Tại giảng đường : 30 tiết
 - Tự học ở nhà : 60 giờ
 - Trực tuyến : Giảng viên có thể bố trí học online nhưng tổng số không quá 30% số tiết của toàn môn học
 - Khác (ghi cụ thể) : 00
8. Khoa quản lý môn học : Khoa Ngoại ngữ
9. Môn học trước :

- Sinh viên phải có năng lực ngôn ngữ ở cấp độ tương đương A2 trở lên (TOEIC 350, IELTS 3.5, bậc 2 khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc) để có thể tiếp thu hiệu quả khối lượng kiến thức của môn học.

- Sinh viên phải đạt điểm theo quy định của kỳ kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu khóa.

10. Mô tả môn học

Môn học được thiết kế nhằm cung cấp từ vựng, thuật ngữ, khái niệm sử dụng trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, thương mại; các từ vựng và hoạt động giao tiếp phù hợp trong khi thực tập hoặc phỏng vấn xin việc. Môn học còn tạo điều kiện cho sinh viên tự tin phát huy kỹ năng sử dụng ngôn ngữ Anh trong môi trường hội nhập quốc tế.

11. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

11.1. Mục tiêu của môn học

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Nội dung CĐR CTĐT ¹ phân bổ cho môn học	CĐR CTĐT
(a)	(b)	(c)	(d)
CO1	Cung cấp từ vựng, thuật ngữ và cấu trúc để giao tiếp bằng hình thức đối thoại hoặc thuyết trình trong ngữ cảnh liên quan đến lĩnh vực kinh tế kinh doanh quản lý.	Khả năng tổ chức, làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời	PLO3 PLO4
CO2	Cung cấp từ vựng, thuật ngữ và cấu trúc để giao tiếp bằng hình thức văn bản trong ngữ cảnh liên quan đến lĩnh vực kinh tế kinh doanh quản lý.	Khả năng tổ chức, làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời	PLO3 PLO4
CO3	Tạo điều kiện để người học phát huy vai trò cá nhân trong học tập, nghiên cứu và phát triển thông qua việc đóng góp ý kiến vào việc xử lý các bài tập /tình huống của nhóm.	Khả năng tổ chức, làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời	PLO3 PLO4

11.2. Chuẩn đầu ra của môn học (CĐR MH) và sự đóng góp vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CĐR CTĐT)

CĐR MH	Nội dung CĐR MH	Mức độ theo thang đo của CĐR MH	Mục tiêu môn học	CĐR CTĐT
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)
CLO1	Vận dụng kiến thức từ vựng, thuật ngữ tiếng Anh liên quan đến kinh tế, kinh doanh, quản lý để hiểu được nội dung một bài đọc, hoặc nội dung người nước ngoài trình bày trong buổi họp, hội thảo, hội nghị sử dụng tiếng Anh.	3	CO1 CO3	PLO3 PLO4
CLO2	Vận dụng kiến thức từ vựng, thuật ngữ tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý và cấu trúc ngữ pháp cần để thảo luận trao đổi thông tin, viết nội dung bài thuyết trình bằng tiếng Anh.	3	CO2 CO3	PLO3 PLO4
CLO3	Xác định vai trò của cá nhân trong nhóm: tranh luận, phản bác, đồng tình với ý kiến của các thành viên trong nhóm để xử lý các bài tập /tình huống nhóm.	3	CO 3	PLO3 PLO4

11.3. Ma trận đóng góp của môn học cho PLO

Mã CĐR CTĐT	PLO3	PLO4
Mã CĐR MH		
CLO1	3	3
CLO2	3	3
CLO3	3	3

12. Phương pháp dạy và học

- Phương pháp học tập chủ động và xem “người học là trung tâm” sẽ được sử dụng trong môn học để giúp sinh viên tham gia học tập tích cực. Kết quả học tập dự kiến sẽ đạt được thông qua một loạt các hoạt động học tập ở trường, qua LMS, trực tuyến, và ở nhà. 30% giảng dạy, 70% thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành giao tiếp, và thuyết trình.

- Quy định về hình thức giảng dạy: giảng viên có thể chủ động lựa chọn hình thức giảng dạy là trực tuyến (online) kết hợp trực tiếp (offline), đảm bảo tổng thời gian giảng dạy trực tuyến không vượt quá 30% thời gian giảng dạy của cả môn học.

13. Yêu cầu môn học

- Sinh viên phải vào lớp đúng giờ, đảm bảo thời gian học trên lớp offline và online, có thái độ nghiêm túc và chủ động, tích cực trong học tập.
- Sinh viên phải đọc trước tài liệu theo yêu cầu của giảng viên, đồng thời tìm đọc thêm các tài liệu có liên quan ở thư viện và trên Internet.
- Sinh viên cần tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài cũng như tham gia thảo luận, làm bài tập nhóm và nghiêm túc thực hiện các bài tập cá nhân.
- Sinh viên cần hoàn thành tất cả các bài tập trên phần mềm giảng dạy LMS theo đúng quy định về thời gian.
- Sinh viên vắng thi trong bài kiểm tra giữa kỳ sẽ bị điểm 0 nếu không có đơn xin phép có lý do chính đáng được chấp nhận.
- Đối với bất kỳ sự gian lận nào trong bài tập (cá nhân và nhóm) hoặc bài thi hoặc vi phạm các vấn đề về liêm chính học thuật, sinh viên phải chịu mọi hình thức kỷ luật theo quy định của Trường và của giảng viên.

14. Học liệu của môn học

14.1. Giáo trình

[1] Allison, J & Emmerson, P. (2014.) *The Business 2.0 - Pre-Intermediate* (2nd ed.). Macmillan.

14.2 Tài liệu tham khảo

[2] Đinh Thị Thùy Trang. (2020). *Tài liệu hỗ trợ môn học Tiếng Anh chuyên ngành I*. BUH

B. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

1. Các thành phần đánh giá môn học

Thành phần đánh giá	Phương thức đánh giá	Các CĐR MH	Trọng số
A.1. Đánh giá quá trình	A.1.1. Chuyên cần, ý thức, thái độ học tập		10%
	A.1.2. Kiểm tra giữa kỳ (bài thi viết)	CLO1, CLO2, CLO3	20%
	A.1.3. Bài tập cá nhân/ nhóm.	CLO1, CLO2, CLO3	20%

A.2. Đánh giá cuối kỳ	A.2.1. Thi cuối kỳ (bài thi viết)	CLO1, CLO2, CLO3	50%
-----------------------	-----------------------------------	------------------	-----

2. Nội dung và phương pháp đánh giá

A.1. Đánh giá quá trình

A.1.1. Chuyên cần

Sinh viên tham dự giờ học đúng giờ, làm đủ các bài tập trên lớp và trên phần mềm giảng dạy BUH-LMS, có thái độ nghiêm túc, có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các nhiệm vụ học tập được giao.

A.1.2. Bài kiểm tra giữa kỳ

- Làm bài cá nhân (hình thức viết), không sử dụng tài liệu.
- Kiểm tra giữa kỳ là để đánh giá sinh viên ghi nhớ, hiểu từ vựng và khả năng sử dụng ngôn ngữ và cấu trúc. Các câu hỏi kiểm tra bao gồm kiểm tra 2 trong 3 kỹ năng: Nghe - Đọc - Viết.

- Phương thức đánh giá: theo thang điểm nêu trong bài kiểm tra.

A.1.3. Bài tập cá nhân/ nhóm

- Kỹ năng Nói: làm việc trong 1 nhóm gồm 3 – 4 sinh viên.
- Hoạt động:
 - + giảng viên yêu cầu sinh viên thực hiện bài tập đối thoại, thảo luận hoặc thuyết trình trong từng đơn vị bài học.
 - + yêu cầu cặp hoặc nhóm sinh viên trình bày trước lớp và chấm điểm.
- Hình thức bài tập: Viết
 - + Làm việc cá nhân học làm việc trong 1 nhóm gồm 3 – 4 sinh viên
 - + Mỗi cá nhân/ nhóm được cung cấp đề bài tập, sinh viên thực hiện yêu cầu của bài tập, thời gian làm bài từ 30 đến 45 phút, sau đó sinh viên nộp bài cho giảng viên hoặc nộp bài trên phần mềm giảng dạy LMS.

A.2. Thi cuối kỳ

- Đề thi cuối kì được xuất từ ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm.
- Bài thi không được sử dụng tài liệu, không được phép sử dụng thiết bị điện tử.
- Bài thi bao gồm 3 phần: Phần 1: 25 câu hỏi trắc nghiệm. Phần 2: 10 câu hỏi dạng bài cloze. Phần 3: 5 câu hỏi dạng trắc nghiệm đối với bài đọc hiểu (1 bài đọc dạng chọn

đáp án đúng hoặc True/False/Not Given). Nội dung các câu hỏi bao gồm nội dung học tại lớp và bài tham khảo giảng viên giới thiệu cho sinh viên.

- Thời gian làm bài thi: 50 phút.

- Phương thức đánh giá: Được chấm bởi 2 giảng viên có tham gia giảng dạy môn Tiếng Anh chuyên ngành 1 hoặc chấm trực tiếp trên máy tính. Điểm bài thi được chấm theo thang điểm trong đáp án đề thi môn Tiếng Anh chuyên ngành 1, theo đó: Phần 1: 5.0 điểm, Phần 2: 3.0 điểm, Phần 3: 2.0 điểm.

- Trong những trường hợp đặc biệt, Trường sẽ có quyết định hình thức thi kết thúc học phần khác

3. Các rubrics đánh giá điểm quá trình

A.1.1. Chuyên cần và ý thức thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm				
		1-2	3 - 4	5 – 6	7 –8	9 - 10
Tham gia các buổi học	50%	0-2 buổi	2-3 buổi	4-5 buổi	6-7 buổi	8-9 buổi
Tham gia làm các bài tập trên BUH-LMS	50%	1 bài nộp đúng hạn; 4 bài nộp trễ hạn	2 bài nộp đúng hạn; 3 bài nộp trễ hạn	3 bài nộp đúng hạn; 2 bài nộp trễ hạn	4 bài nộp đúng hạn; 1 bài nộp trễ hạn	+ 4 bài nộp đúng hạn; 1 bài nộp trễ không quá 1 giờ đồng hồ + 5 bài nộp đúng hạn

A.1.2. Bài kiểm tra giữa kỳ

Bài kiểm tra giữa kỳ: Hình thức: bài kiểm tra viết

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TRỌNG SỐ	Điểm				
		Phần 1	Phần 2	Phần 3	Phần 4	Phần 5
Theo đáp án câu đúng		1 điểm	2 điểm	2.5 điểm	1.5 điểm	3 điểm

A.1.3. Bài tập nhóm/ cá nhân

Bảng hướng dẫn chi tiết chấm bài tập nhóm: kỹ năng Nói

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TRỌNG SỐ	ĐIỂM			
		Dưới 5	5 – dưới 7	7 – dưới 9	9 - 10
Phát âm	10%	Phát âm sai từ 50% trở lên các từ sử dụng trong bài đối thoại và không có trọng âm.	Phát âm sai dưới 50%, có ngữ điệu và trọng âm.	Phát âm còn 1 hoặc 2 lỗi trong bài đối thoại. Có ngữ điệu và có trọng âm.	Phát âm chính xác, tốt. Ngữ điệu và trọng âm chính xác và hay.
Ngôn ngữ	30%	Từ vựng sử dụng không đúng trong bài đối thoại, cấu trúc sai văn phạm (trên 5 lỗi sai) và mang tính ghép từ.	Từ vựng sử dụng còn sai, không phù hợp với nội dung. Có 3-5 lỗi sai về cấu trúc câu và văn phạm.	Từ vựng sử dụng phù hợp, tốt. Có 1 trong 2 lỗi sai về cấu trúc câu.	Từ vựng sử dụng và cấu trúc câu chính xác.
Nội dung	40%	Sử dụng hoàn toàn ngữ liệu trong sách trong nội dung của bài đối thoại, không có sự sáng tạo.	Khá hay, phù hợp với chủ đề. Sử dụng 70% ngữ liệu trong sách trong nội dung của bài đối thoại, có sáng tạo 30%.	Hay, phù hợp với chủ đề. Sử dụng 30% ngữ liệu trong sách trong nội dung của bài đối thoại, có sáng tạo (70%) thêm về nội dung phù hợp với ngữ cảnh.	Hay, phù hợp với chủ đề, có sự sáng tạo (100%) trong nội dung phù hợp với ngữ cảnh.
Kỹ năng trình bày	20%	Không tự tin. Sử dụng ghi chú và thường xuyên đọc ghi chú.	Không tự tin. Sử dụng ghi chú và thỉnh thoảng đọc ghi chú.	Khá tự tin. Có thỉnh thoảng tham khảo ghi chú.	Tự tin, trôi chảy

A 2.1 Bài thi cuối kỳ

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TRỌNG SỐ	ĐIỂM		
		Phần 1- Multiple choices (25 câu)	Phần 3- Gap filling (1 bài- 10 câu)	Phần 2-Reading comprehension (1 bài - 5 câu)
	50%	5.0 điểm		

Theo đáp án câu đúng	20%		3.0 điểm	
	30%			2.0 điểm

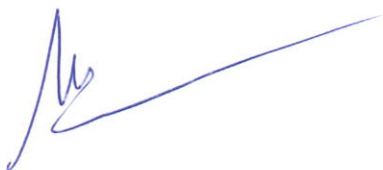
C. NỘI DUNG CHI TIẾT GIẢNG DẠY

Thời lượng (tiết)	Nội dung giảng dạy chi tiết	CĐR MH	Hoạt động dạy và học	Phương pháp đánh giá	Học liệu
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(g)
5	COURSE INTRODUCTION MODULE 1: GAINING EXPERIENCE (Unit 1) 1.1 Internships abroad 1.2 Personal details 1.3 Further practice and lesson revision (LMS or offline)	CLO1 CLO2 CLO3	Trực tiếp (offline) hoặc trực tuyến (online) GIẢNG VIÊN: Trình bày mục tiêu và nội dung môn học; hình thức thi, kiểm tra, hình thức tích lũy điểm. Giảng dạy nội dung bài học Biên soạn bài tập thực hành SINH VIÊN: Nghe giảng; thảo luận, làm bài tập	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1	[1], pp 6-15
5	MODULE 1: GAINING EXPERIENCE (Unit 1 cont.) 2.1 Meeting people and making conversation 2.2 Informal emails 2.3 Further practice and lesson revision (LMS or offline)		Trực tiếp (offline) hoặc trực tuyến (online) GIẢNG VIÊN: Giảng dạy nội dung bài học Biên soạn bài tập thực hành SINH VIÊN: Nghe giảng; thảo luận, làm bài tập	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1	[1], pp 16-21
5	MODULE 2: CUSTOMER SATISFACTION (Unit 2)	CLO1 CLO2	Trực tiếp (offline) hoặc trực tuyến (online)	A1.1 A1.2	[1], pp 22-26

	3.1. Customer service 3.2 Contacting customers 3.3 Further practice and lesson revision (LMS or offline)	CLO3	GIẢNG VIÊN: Giảng dạy nội dung bài học Biên soạn bài tập thực hành SINH VIÊN: Nghe giảng; thảo luận, làm bài tập	A1.3 A2.1	
5	MODULE 2: CUSTOMER SATISFACTION (Unit 2 cont.) 4.1 Telephoning 4.2 Formal letters and emails 2 4.3 Mid-term test 4.4 Further practice and lesson revision (LMS or offline)	CLO1 CLO2 CLO3	Trực tiếp (offline) hoặc trực tuyến (online) GIẢNG VIÊN: Giảng dạy nội dung bài học Biên soạn bài tập thực hành Đánh giá nội dung bài kiểm tra giữa kỳ SINH VIÊN: Nghe giảng; thảo luận, làm bài tập Thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1	[1], pp 27-33
5	MODULE 3: JOB INTERVIEWS AND CAREER (Unit 4) 5.1 Getting a job 5.2 Job interviews 5.3 Further practice and lesson revision (LMS or offline)	CLO1 CLO2 CLO3	Trực tiếp (offline) hoặc trực tuyến (online) GIẢNG VIÊN: Giảng dạy nội dung bài học Biên soạn bài tập thực hành SINH VIÊN: Nghe giảng; thảo luận, làm bài tập	A1.1 A1.3 A2.1	[1], pp 48-54
5	MODULE 3: JOB INTERVIEWS AND CAREER (Unit 4 cont.) 6.1 Interviews 6.2 CVs	CLO1 CLO2 CLO3	Trực tiếp (offline) hoặc trực tuyến (online) GIẢNG VIÊN: Ôn tập	A1.1 A1.3 A2.1	[1], pp 55-59

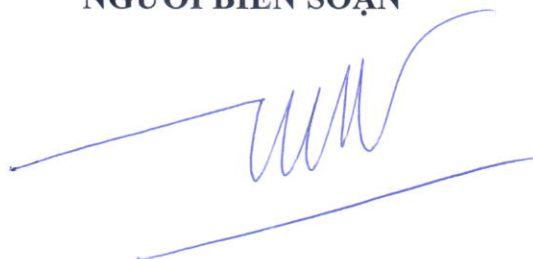
	6.3 Final review 6.4 Further practice and lesson revision (LMS or offline)		Biên soạn bài tập thực hành SINH VIÊN: Nghe giảng; thảo luận, làm bài tập		
Môn học được giảng dạy trực tuyến tối đa không quá 30% tổng thời lượng chương trình.					

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Quang Nhật

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Võ Thanh Tuấn

PTK. PHÓ TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Ngọc Phương Dung

**HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.,TS. Nguyễn Đức Trung